

Số: 859 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 98/2025/UBTVQH15 ngày 10/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gồm: Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, Chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật thủy sản; Luật Trồng trọt (sau đây gọi là dự án Luật), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi là Nghị quyết số 18-NQ/TW) đã xác định mục tiêu tổng quát “*Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng...*”, với một trong các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể là “*rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy của các cấp, các ngành, các địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội

năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

- Kết luận số 21/KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật yêu cầu: *“Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài”*”.

- Kết luận 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra nhiệm vụ: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bộ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan”*”.

- Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyên mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh: *“Giao Đảng uỷ Chính phủ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả việc rà soát, hoàn thiện thể chế; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp; ... để bảo đảm mô hình mới tiếp tục được triển khai thông suốt, hiệu quả”* (Mục 3 của Kết luận).

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung

ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Chính phủ “... *khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các VBQPPL để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, ...*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “**Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật.** Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp....”. Đồng thời yêu cầu: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn*”. “... Thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật...” (mục III.3).

- Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo xác định và yêu cầu: “*Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu, bổ sung một số dự án luật vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội, thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV để giải quyết ngay những vấn đề vướng mắc liên quan đến luật (theo Báo cáo rà soát là 25/47 dự án luật).*”

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó yêu cầu: “*Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”...*” (Mục III.2.1).

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết đã nêu rõ: “*Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 01/7/2025.*”

- Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định rõ “*cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027*”.

- Khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18/2/2025 quy định: “*Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành*”.

- Khoản 3 Điều 51 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định: “*Hội đồng nhân dân, các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã (sau đây gọi chung là cấp huyện) kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025*”. Đồng thời, khoản 1 Điều 54 quy định: “**Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027**, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này”.

- Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 yêu cầu: “*có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp*” và “*đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực*” (Điểm 3.1 Điều 3).

- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật: “*Cơ quan ban hành hoặc cơ*

quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm nghiên cứu chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và phương án xử lý khó khăn, vướng mắc theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này.” (Khoản 1 Điều 5); “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để quy định vấn đề mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;” (Điểm b khoản 1 Điều 4).

- Nghị quyết số 98/2025/UBTVQH15 ngày 10/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025; trong đó, giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại Phiên họp tháng 10/2025, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

2.3. Cơ sở thực tiễn

a) Thực tiễn triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hai cấp

Từ tháng 12/2024 đến tháng 7/2025, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, “vừa chạy vừa xếp hàng”. Để giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan trung ương; sắp xếp, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan trung ương, giữa cơ quan trung ương và địa phương), nhằm đảm bảo hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của bộ máy nhà nước và toàn xã hội, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, Quốc hội đã cho phép Chính phủ ban hành các Nghị định để điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025¹, khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025²*). Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm

¹ Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

² Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Tuy nhiên, việc cho phép áp dụng quy định “tạm thời” nêu trên chỉ được thực hiện trong một thời gian nhất định (khoảng 2 năm). Trong thời gian đó, các cơ quan có trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định để điều chỉnh đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp theo quy định của Hiến pháp (sửa đổi), bảo đảm tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật³. Thực tế hiện nay, các địa phương đã, đang thực hiện các thẩm quyền được phân quyền, phân định theo Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP và việc điều chỉnh pháp luật là cần thiết để phù hợp với thực tế phân quyền, phân định thẩm quyền và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Mặt khác, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trước ngày 01/3/2027 là không khả thi nếu Chính phủ trình Quốc hội từng dự án luật riêng lẻ để sửa đổi, bổ sung từng luật; thực tế thời gian vật chất còn lại từ nay đến ngày 01/3/2027 chỉ còn hơn 1 năm, việc chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét 15 dự án luật riêng lẻ (chưa bao gồm sửa đổi Luật Đất đai, Luật Địa chất và Khoáng sản) là khó thực hiện.

b) Thực tiễn yêu cầu thực hiện đơn giản thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh cải cách triệt để thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên, Chính phủ đã tập trung triển khai thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP; thời gian hoàn thành việc thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án đề xuất cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh) là tháng 9/2025.

Ngày 05/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1671/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung 09 Luật⁴ để thực hiện phương án cắt giảm điều kiện đầu tư kinh

³ Khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 190/2025/QH15, khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

⁴ Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Khí tượng thủy văn

doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

c) Thực tiễn phát sinh vướng mắc, điểm nghẽn do quy định của pháp luật cần tháo gỡ kịp thời

Thực tiễn quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường thời gian qua đã phát sinh một số vướng mắc, điểm nghẽn, nút thắt cần phải xử lý ngay để kịp thời tháo gỡ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về nông nghiệp và môi trường, cụ thể: (i) Vướng mắc do quy định chưa thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống các văn bản Luật: Quy định về quản lý sinh vật ngoại lai (Luật Đa dạng sinh học); ...(ii) Vướng mắc do quy định chưa rõ ràng, chưa phù hợp hoặc không khả thi trong thực tiễn: Quy định về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi chưa đảm bảo tính khả thi (Luật Chăn nuôi); Quy định về đánh giá tác động môi trường dự án thành phần và phân kỳ đầu tư dự án (Luật Bảo vệ môi trường)...

Như vậy, tập trung tháo gỡ những “điểm nghẽn”, “nút thắt” pháp lý phát sinh từ thực tiễn; kịp thời đề xuất xử lý vướng mắc, bất cập phát sinh, nhất là các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế, đặc biệt là hướng đến mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025 và tăng trưởng “hai con số” trong thời gian tới gắn với việc xử lý các vấn đề về sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp là một trong những mục tiêu của việc xây dựng dự án Luật.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn nêu trên, với mục tiêu bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất và sớm điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với sắp xếp tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện đơn giản thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; kịp thời xử lý các bất cập, điểm nghẽn do quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, việc đề xuất xây dựng, trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường là cần thiết, cấp bách.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích xây dựng

Việc xây dựng, ban hành dự án Luật nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện chủ trương và thực tế về sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức chính quyền 02 cấp; phân quyền, phân cấp; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và giải quyết các “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật, vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Quan điểm xây dựng

- *Một là*, thể chế hóa để kịp thời thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và bám sát các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các văn bản chỉ đạo liên quan của cấp có thẩm quyền.

- *Hai là*, thể chế hóa quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh thực chất, hiệu quả.

- *Ba là*, thực hiện chủ trương của Bộ chính trị về tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật trong năm 2025 theo mục tiêu được chỉ rõ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW; ý kiến chỉ đạo Tổng Bí thư Tô Lâm⁵, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo.

- *Bốn là*, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ, liên thông trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn; tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 178/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về ban hành, quản lý văn bản quy phạm pháp luật).

Mặc dù được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng quá trình xây dựng, hoàn thiện dự án Luật cơ bản thực hiện như trình tự, thủ tục thông thường, gồm các hoạt động sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật; các Tổ Biên tập xây dựng dự án Luật.

2. Xây dựng đề cương và soạn thảo dự án Luật; tổ chức các cuộc họp nhóm kỹ thuật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện dự án Luật; xin ý kiến cấp ủy đảng của cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định.

3. Đăng tải dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; gửi văn bản lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo

⁵ Tại Thông báo số 08-TB/BCĐTW về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm

Luật⁶; tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến rộng rãi của bộ, ngành, địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp⁷, họp nhóm chuyên gia để lấy ý kiến.

4. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Luật và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án Luật ngày 15/8/2025, và đã có Báo cáo thẩm định số 365/BCTĐ-BTP ngày 20/8/2025 theo quy định.

5. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật trình Chính phủ xem xét. Chính phủ đã cho ý kiến và ban hành Nghị quyết chuyên đề; tổ chức 02 lần lấy ý kiến Thành viên Chính phủ.

6. Tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ (lần 1 và lần 2), chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật⁸; Chính phủ ban hành Nghị quyết thông qua dự án Luật để trình Quốc hội.

7. Trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp tháng 10/2025.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, gồm: Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, Chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật thủy sản; Luật Trồng trọt (Luật Đất đai, Luật Địa chất và Khoáng sản sửa đổi riêng), với 03 nhóm nội dung sau:

a) Quy định các nội dung, quy định liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, gồm:

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (*thay đổi tên gọi*)

⁶ Công văn số 4055/BNNMT-PC ngày 04/7/2025 về việc đề nghị góp ý dự thảo Luật gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật. Tính đến hết ngày 30/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được 44 văn bản góp ý của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân (13 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 28 địa phương và 03 tổ chức).

⁷ Tổ chức hội thảo “*Phổ biến, lấy ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật lĩnh vực nông nghiệp môi trường*” để lấy ý kiến các Hội, Hiệp hội, Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh về dự án Luật ngày 18/9/2025; Hội thảo “*Tham vấn ý kiến đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường*” ngày 29/9/2025 tham vấn ý kiến của Bộ ngành, địa phương đối với dự án Luật.

⁸ Báo cáo số 197/BC-BNNMT ngày 15/9/2025 về việc tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 9/2025; Báo cáo số 219/BC-BNNMT ngày 30/9/2025 tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ (lần 2) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để phân định thẩm quyền liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp đã được Chính phủ “tạm thời” xử lý tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025. Dự án Luật thực hiện sửa đổi, bổ sung 67 Điều tại 14 Luật⁹ để xử lý quy định “tạm thời” về phân định 53 thẩm quyền tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

- Nhóm nội dung về sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện phân quyền, phân cấp đã được Chính phủ “tạm thời” xử lý tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025. Dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 112 Điều tại 14 Luật¹⁰ để xử lý quy định “tạm thời” về phân quyền, phân cấp 137 thẩm quyền tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

Đối với nhóm nội dung này, Quốc hội đã cho phép các cơ quan có thẩm quyền xây dựng văn bản theo trình tự, rút gọn tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 để xử lý: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền *ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước*, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền hai cấp không làm phát sinh chính sách, chỉ xử lý kỹ thuật.

b) Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính

Đây là nhóm nội dung cần xử lý tại 15 luật để thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ¹¹ về cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Dự thảo Luật thực hiện sửa đổi, bổ sung 75 điều (26 điều về điều kiện đầu tư kinh doanh, 49 điều về thủ tục hành chính) tại 11 Luật¹² để thực hiện phương án cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh đơn giản thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương

⁹ 14 luật gồm: Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ môi trường; Luật Phòng, Chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

¹⁰ 14 Luật gồm: Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường; Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khí tượng Thủy văn, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

¹¹ Nghị quyết 66/NQ-CP ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 đặt ra mục tiêu năm 2025 như sau: Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính”.

¹² 10 Luật gồm: Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường.

án tại Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Giải quyết, xử lý ngay, kịp thời các vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn do quy định của pháp luật

Đây là nhóm nội dung cấp bách đòi hỏi phải xử lý ngay các “điểm nghẽn”, “nút thắt” do quy định của pháp luật nhằm khơi thông nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước. Chính phủ xác định chỉ sửa đổi, bổ sung một số quy định thực sự là “điểm nghẽn”, vướng mắc nhất để đưa vào sửa đổi tại dự án Luật theo yêu cầu của Bộ Chính trị là “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật” được chỉ rõ tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo số 05-TB/BCĐTW ngày 11/6/2025 của Tổng Bí thư Tô Lâm. Các khó khăn, vướng mắc khác do quy định pháp luật sẽ thực hiện tổng kết, đánh giá và xử lý khi sửa đổi tổng thể từng dự án luật trong giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, dự án Luật đã xác định 20 “điểm nghẽn” cần tháo gỡ ngay trong năm 2025, đảm bảo tiêu chí tại Điều 2 Nghị quyết số 206/2025/QH15.

2. Bố cục dự án Luật

Dự án Luật được bố cục gồm 17 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật
- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chăn nuôi
- Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đa dạng sinh học
- Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều
- Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ
- Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khí tượng thủy văn
- Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp
- Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, Chống thiên tai
- Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên nước
- Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo
- Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y
- Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi

- Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy sản

- Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trồng trọt

- Điều 16. Hiệu lực thi hành: Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026, trừ trường hợp quy định về việc lập quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh được thực hiện từ ngày 01/01/2027.

- Điều 17. Quy định chuyển tiếp: Dự thảo Luật quy định một số nội dung liên quan đến điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo bao quát hết các trường hợp phát sinh khi sửa đổi, bổ sung các luật như việc tiếp tục giải quyết các thủ tục hành chính về giao rừng, trồng rừng; thủy sản; giống cây trồng.

3. Nội dung của dự án Luật

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung 16 nội dung, cụ thể:

- *Luật Thú y*: Sửa đổi biện pháp quản lý chất lượng thuốc thú y theo hướng miễn công bố hợp quy tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Thú y.

Lý do: Thuốc thú y vừa phải thực hiện quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về thú y vừa phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Công bố hợp quy đối với sản phẩm hàng hóa là một khó khăn cho doanh nghiệp, gây tăng chi phí, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam và tạo gánh nặng cho người tiêu dùng trong nước. Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật) đã quy định: “Miễn thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với sản phẩm, hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của luật khác tương ứng với yêu cầu kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.”. Thuốc thú y đã được quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về thú y (quản lý chất lượng qua GMP, cấp giấy chứng nhận lưu hành, quy định về kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).

- *Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật*: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật theo 02 phương án: (1) Đưa đất, nhập khẩu sinh vật gây hại vào Việt Nam, nhân nuôi sinh vật gây hại, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu khoa học, cây mang theo bầu đất đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Chính phủ; (2) Đưa đất, nhập khẩu sinh vật gây hại vào Việt Nam, nhân nuôi sinh vật gây hại trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu khoa học.

Lý do: Đất có nguy cơ mang theo các loài sinh vật gây hại, đặc biệt là các loài vi sinh vật gây hại thực vật như tuyến trùng, vi khuẩn, nấm,... nên hầu hết các quốc gia đều có quy định chặt chẽ đối với việc hạn chế, cấm, kiểm soát đất đi theo hàng hóa nhập khẩu cũng như cấm đưa sinh vật gây hại thực vật vào lãnh

thổ của mình. Tuy nhiên, hơn 10 năm thực hiện Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, quy định cấm triệt để như tại khoản 5 Điều 13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật cho thấy có những khó khăn, vướng mắc đối với thương mại nông sản. Trong đó rõ nhất là các trường hợp nhập khẩu các loại củ tươi như khoai tây, khoai lang, cà rốt hoặc nhập khẩu các loại cây giống thì việc làm sạch tuyệt đối đất bám dính vào củ và rễ cây trong thực tế là rất khó thực hiện. Thực tiễn cho thấy, các quốc gia trên thế giới quy định hạn chế, kiểm soát đất đi theo hàng hóa nhập khẩu nhưng thường không đưa ra quy định cấm tuyệt đối mà áp mức chấp nhận có đất, ví dụ đất đi theo hàng hóa không quá 2% theo khối lượng hoặc 25g/600 đơn vị (củ, quả, cây giống) được kiểm tra để vừa giảm thiểu nguy cơ sinh vật gây hại đi theo đất vừa có thể áp dụng trong thực tế và không gây cản trở hoạt động thương mại. Đối với cây có mang theo bầu đất, một số quốc gia cũng có quy định các yêu cầu chặt chẽ để ngăn chặn các đối tượng kiểm dịch thực vật đi theo bầu đất nhập khẩu vào trong nước. Gần đây, trong bối cảnh một số quốc gia đã đưa vấn đề rào cản kỹ thuật trong trong đàm phán để giảm thuế quan áp cho hàng hóa Việt Nam thì các công ty đa quốc gia ở Việt Nam thường nhập khẩu khoai tây để chế biến cũng tiếp tục đưa kiến nghị sửa đổi về vấn đề cấm đất tuyệt đối đi theo nông sản nhập khẩu. Hơn nữa, nhiều doanh nghiệp Việt Nam cũng đã nhiều lần gửi văn bản kiến nghị đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chính phủ và cả cho đại biểu Quốc hội đề nghị cho phép nhập khẩu cây xanh, cây giống để phục vụ các công trình đô thị, công viên ...

- *Luật Chăn nuôi*: Sửa đổi khoản 3, 4 Điều 26; khoản 4 Điều 37 theo hướng không quy định phải có “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” về khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi; về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi mà chỉ cần có “quy định” về khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi; về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi.

Lý do: Việc khảo nghiệm giống vật nuôi nhằm đánh giá sự phù hợp của dòng, giống vật nuôi mới đối với điều kiện của Việt Nam. Khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi là việc đánh giá chất lượng, an toàn của thức ăn chăn nuôi đối với vật nuôi và môi trường thông qua việc nuôi dưỡng thử nghiệm trên vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất. Tuy nhiên, việc quy định khảo nghiệm giống vật nuôi, khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi theo quy chuẩn là không phù hợp. Vì theo Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thì quy chuẩn phải đưa ra mức giới hạn an toàn bắt buộc mà sản phẩm hoặc quá trình phải đáp ứng và phải công bố hợp quy. Do đó, quy định khảo nghiệm giống vật nuôi, khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi theo quy chuẩn là không phù hợp, không đúng bản chất, gây bất cập trong công tác khảo nghiệm và công nhận dòng, giống vật nuôi mới và thức ăn chăn nuôi.

- *Luật Lâm nghiệp*: 02 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 19, Điều 20 về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tạm sử dụng rừng để đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai.

Lý do: Điều 20 Luật Lâm nghiệp chưa cập nhật quy định mới tại khoản 5

Điều 248 Luật Đất đai 2024, theo đó các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không cần quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng riêng; quy định hiện hành yêu cầu “có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt” mới được xem xét chuyển mục đích sử dụng rừng, trong khi pháp luật đầu tư và pháp luật lâm nghiệp không đặt điều kiện đó - gây mâu thuẫn pháp lý, ách tắc thủ tục; không còn quy định về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế trước khi chuyển mục đích sử dụng rừng, dẫn đến quy định trong Luật Lâm nghiệp trở nên không còn phù hợp với thực tiễn và các văn bản quy phạm pháp luật mới. Mặt khác, Luật hiện hành chưa quy định về cơ chế “tạm sử dụng rừng” trong thời gian ngắn cho các hoạt động vì lợi ích quốc gia, công cộng mà không làm thay đổi mục đích sử dụng, trong khi nhu cầu thực tế này là rất lớn và cần được pháp luật ghi nhận để đảm bảo linh hoạt nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi để đồng bộ với Luật Đất đai 2024.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 21 về trồng rừng thay thế theo hướng mở rộng phạm vi sử dụng kinh phí, cho phép dùng linh hoạt cho các hoạt động lâm sinh có giá trị sinh thái tương đương, góp phần giải quyết khó khăn về quỹ đất trồng rừng, thực hiện hiệu quả cam kết quốc gia về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Lý do: Chính sách trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường và cam kết phát triển bền vững. Trong bối cảnh nhiều diện tích rừng phải chuyển mục đích để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chính sách này có vai trò như một cơ chế “hoàn lại” sinh thái, góp phần giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng quốc gia theo mục tiêu Trung ương và Quốc hội đã đề ra (42%). Tuy nhiên, thực tiễn triển khai đang bộc lộ nhiều bất cập: Quỹ đất trồng rừng ngày càng hạn chế, nhiều địa phương tuy có nguồn kinh phí trồng rừng thay thế nhưng không còn đủ đất phù hợp để trồng rừng, dẫn đến tình trạng tồn đọng kinh phí, giảm hiệu quả sử dụng ngân sách. Trong khi đó, nhu cầu chăm sóc rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, cải tạo rừng nghèo kiệt... rất lớn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, suy thoái sinh thái, nhưng quy định hiện hành chỉ cho phép sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế để trồng rừng mới, không cho phép chi cho các hoạt động kỹ thuật lâm sinh khác.

- Luật Tài nguyên nước: 03 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 về hành vi cấm “lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch, trù trường hợp pháp luật có quy định khác để đảm bảo thống nhất cách hiểu trong quá trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Lý do: Mục đích của quy định tại khoản 5 Điều 8 nhằm bảo vệ tài nguyên nước. Tuy nhiên, văn phong trình bày có thể gây hiểu nhầm trong quá trình áp

dụng cũng đã gây khó khăn trong quá trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng như của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Thực tế, trong thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng đã nhận được văn bản đề nghị hướng dẫn nội dung về cấm lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch quy định tại khoản 5 Điều 8 nêu trên như Hoà Bình, Nghệ An... Việc có nhiều cách hiểu khác nhau, không thống nhất đã gây khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt các dự án đầu tư.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 12, Điều 16, Điều 17 Luật Tài nguyên nước về tích hợp quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng hợp nhất Quy hoạch thủy lợi vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

Lý do: Về tổng thể, theo quy định của pháp luật, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 16 Luật Tài nguyên nước) và Quy hoạch thủy lợi (khoản 4 Điều 14 Luật sửa đổi 37 luật) có một số nội dung tương đồng trong quá trình lập quy hoạch như: tài liệu, số liệu (tự nhiên, dân sinh kinh tế, xã hội...) trên lưu vực sông; đánh giá số lượng, chất lượng và dự báo xu thế nguồn nước; đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; dự báo nhu cầu sử dụng nước; danh mục các công trình tạo nguồn, tích trữ nguồn, chuyển nước lưu vực (hồ chứa, đập dâng trên dòng chính, công trình chuyển nước, khai thác nước quy mô lớn có ảnh hưởng đến lưu vực, liên tỉnh). Về vấn đề này, Bộ Nông nghiệp và môi trường đã có văn bản số 762/BTNMT-KHTC ngày 04/4/2025 gửi Bộ Tài Chính, trong đó đã đề nghị hợp nhất 02 quy hoạch nêu trên. Đồng thời, tại Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng đã đề nghị hợp nhất Quy hoạch thủy lợi và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh thành Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh. Vấn đề này cũng đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 4 năm 2025 (phiên 2) của Chính phủ (Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 23/4/2025). Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) trong đó nội dung về các quy hoạch nêu trên đã được thay đổi, hợp nhất, do đó cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung có liên quan bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Sửa đổi Điều 51 theo hướng bổ sung thẩm quyền quan trắc tài nguyên nước đối với nguồn nước dưới đất cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước nói chung, tài nguyên nước dưới đất nói riêng.

Lý do: Việc xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với nguồn nước dưới đất hiện nay do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ tiếp tục xây dựng, vận hành đối với các mạng quan trắc nước dưới đất “đã được quy hoạch trong các quy hoạch có liên quan, mạng đang xây dựng hoặc đã vận hành”. Như vậy, theo quy định này thì UBND cấp tỉnh không được quy hoạch, xây dựng các mạng

quan trắc nước dưới đất mới, dẫn đến không đủ thông tin, số liệu để quản lý tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, dẫn đến nguy cơ gây hạ thấp mực nước quá mức, xâm nhập mặn vào các tầng chứa nước.

- Luật Đê điều: 03 nội dung sửa đổi, bổ sung

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 23 về hành lang bảo vệ đê theo hướng bổ sung cụm từ “hiện có” để làm rõ quy định về “Hành lang bảo vệ đê” ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch *hiện có*”; đồng thời, bổ sung cụm từ “về phía biển” để làm rõ hành lang bảo vệ đối với đê biển để đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, không gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật.

Lý do: Điều 23 Luật Đê điều quy định: “Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía đồng”. Tuy nhiên, chưa xác định rõ ràng là khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch hiện có hay khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch được quy hoạch (chưa hình thành trên thực tế); đồng thời, cũng chưa quy định rõ về hành lang bảo vệ đê biển tại vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch. “Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không được nhỏ hơn 5 mét tính từ chân đê trở ra về phía sông và phía đồng.”. Quy định này cũng chưa rõ ràng đối với hành lang bảo vệ đê đối với đê biển cấp IV hoặc cấp V. Những vướng mắc nêu trên phát sinh trong quá trình thi hành Luật, gây khó khăn trong việc xác định hành lang bảo vệ đối với đê biển, chưa đảm bảo thống nhất trong công tác xử lý vi phạm pháp luật về đê điều.

+ Sửa đổi khoản 16 Điều 3; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 theo hướng quy định cụ thể về xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao để thống nhất cách hiểu, tránh khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý, thi hành Luật và thực hiện các quy hoạch.

Lý do: Theo quy định của Luật Đê điều, các công trình “*cột điện, cột treo cáp viễn thông, trạm khí tượng thủy văn*” không được xây dựng trong phạm vi bảo vệ đê điều, trường hợp tồn tại trong phạm vi bảo vệ đê điều thì phải di dời. Tuy nhiên, thực tế dọc theo các tuyến đê có rất nhiều công trình cột điện, cột treo cáp viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ đê, ngoài nhiệm vụ truyền tải điện còn kết hợp chiếu sáng giao thông, thông tin liên lạc, truyền thông phục vụ hộ đê, phòng chống lụt bão. Đồng thời, dọc theo các tuyến sông, cũng có các trạm khí tượng thủy văn nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều, phục vụ công tác quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai. Trên thực tế, đây đều là các công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ công tác phòng, chống thiên tai kết hợp phát triển kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, Điều 27 hiện chỉ quy định “Những công trình, nhà ở hiện có phù hợp với quy hoạch thì được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới.”. Tuy nhiên, trên thực tế, trong các khu vực dân cư tập trung hiện có (từ lâu đời), được xác định tồn tại, bảo vệ (theo quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê,

quy hoạch đô thị và quy hoạch tỉnh) bao gồm các phần đất trống (chưa có công trình xây dựng) nằm xen kẽ giữa các công trình nhà ở hiện có. Đồng thời, các quy hoạch cũng xác định các khu dân cư tập trung hiện có ở bãi sông được bố trí thêm một phần diện tích để bố trí mật bằng tái định cư cho các hộ dân nằm rải rác gần khu vực. Các khu vực đất trống nằm xen kẽ trong khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ và phần diện tích bố trí mật bằng tái định cư này cần được quy định cụ thể trong Luật để thống nhất cách hiểu, tránh khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý, thi hành Luật và thực hiện các quy hoạch (quản lý tương tự các công trình hiện có ở bãi sông theo quy định tại Điều 27, không phải quản lý như đối với khu vực bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng tại Điều 26 Luật Đô thị).

- *Luật Bảo vệ môi trường: 05 nội dung sửa đổi, bổ sung*

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 theo hướng không yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, yêu cầu di dân, tái định cư là yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Lý do: Yếu tố nhạy cảm về môi trường là một trong các tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư nhằm xác định trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của chủ dự án (trong đó có việc thực hiện thủ tục hành chính về môi trường). Tại thời điểm này, Luật Đầu tư 2020 quy định quy mô di dân, tái định cư là 01 trong các tiêu chí xác định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; Luật Đất đai quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; tuy nhiên, các nội dung quy định về thẩm quyền này đã được xem xét, bãi bỏ trong thời gian vừa qua. Để cắt giảm mạnh mẽ, triệt để thủ tục hành chính về môi trường đối với các dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường nêu trên, đồng thời đồng bộ với việc sửa đổi quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai trong thời gian vừa qua, đề nghị sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 theo hướng không quy định *yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, yêu cầu di dân, tái định cư* là yếu tố nhạy cảm về môi trường. Theo đó, các tiêu chí này sẽ được cơ quan có thẩm quyền quyết định trong quá trình xem xét, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 31 về đánh giá tác động môi trường dự án thành phần và phân kỳ đầu tư dự án để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về xây dựng (được ban hành năm 2024), tạo điều kiện thuận lợi hơn cho chủ dự án khi thực hiện TTHC về môi trường

Lý do: Luật Bảo vệ môi trường quy định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được thực hiện cho dự án đầu tư; do chủ dự án tự lập hoặc thông qua đơn vị tư vấn thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi; một dự án đầu tư lập một báo cáo ĐTM.

Khoản 2 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường quy định đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chủ dự án được trình thẩm định đồng thời báo cáo ĐTM với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường cũng quy định Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình. Liên quan đến việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình, ngày 30/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, trong đó đã: (i) quy định cụ thể hơn việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án thành phần; (ii) bổ sung quy định cho phép thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo từng phân kỳ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình. Trên thực tế, hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư trong thời gian vừa qua đã xuất hiện một số trường hợp dự án có quy mô lớn, triển khai trong thời gian dài, thực hiện theo nhiều giai đoạn phân kỳ đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo ĐTM, chủ dự án mới chỉ thực hiện được việc nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở dự án cho giai đoạn đầu; các giai đoạn sau được thực hiện theo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư và chưa có thông tin cụ thể.

+ Sửa đổi điểm a khoản 1 và bổ sung khoản 6a Điều 51; sửa đổi khoản 1; bổ sung điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 6, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 52; sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 111 về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp.

Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có hạ tầng bảo vệ môi trường bao gồm hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Khoản 4 Điều 51 cũng quy định chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm thu gom, đấu nối nước thải của các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung; yêu cầu cơ sở đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải chấm dứt việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Mặt khác, khoản 1 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định, Cụm công nghiệp phải có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này; khoản 2, khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường cũng quy định cụm công nghiệp bắt buộc phải xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung hoàn thành trong thời hạn 24 tháng; cụm công nghiệp chưa có hệ thống thu gom, xử lý tập trung thì không được tiếp nhận thêm dự án mới. Trong quá trình triển khai cho thấy, các quy định nêu trên hiện nay đang gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

+ Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 71 về phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất theo hướng quy định lộ trình tỷ lệ và lộ trình nhập khẩu phế liệu để phù hợp, nhất quán với chính sách, quy định của Nhà nước trong phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn quốc gia và phát triển bền vững.

Lý do: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thiếu điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết về lộ trình và tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Tuy nhiên, Luật và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Điều 77 và 78) đã có các quy định bắt buộc phân loại, thu gom, vận chuyển và tái chế chất thải rắn; các giải pháp, quy định để thúc đẩy thu gom, tái chế phế liệu, chất thải phát sinh trong nước; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc. Quy định tại Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không quy định về lộ trình, tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Nếu không có chính sách quản lý phù hợp thì phế liệu sẽ ồ ạt nhập khẩu về Việt Nam, dẫn tới dư thừa phế liệu trong nước hoặc nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 151 về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để đảm bảo đồng bộ về quy định địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh phù hợp với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

Lý do: Khoản 1 Điều 151 quy định: “Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước”. Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công quy định: “cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách” từ nguồn đầu tư công. Khoản 19 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”; khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện...”. Sự không đồng bộ về quy định địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là “tổ chức tài chính nhà nước” tại Luật Bảo vệ môi trường và quy định “quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách” tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước, dẫn đến việc hiện nay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh không thể được cấp vốn từ nguồn đầu tư công (nguồn cấp vốn duy nhất).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định tại một số Luật để đảm bảo phù hợp với quy định của các luật vừa mới ban hành hoặc dự án Luật đang sửa đổi, bổ sung như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản; dự án

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường để phù hợp với quy định của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản;

+ Sửa đổi Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản; bãi bỏ khoản 3 Điều 25 Luật Trồng trọt; sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Thú y; bãi bỏ khoản 4 Điều 102 Luật Bảo vệ môi trường để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

+ Bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, sửa đổi khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 49 Luật Thủy lợi; sửa đổi khoản 1 Điều 12 Luật Tài nguyên nước; sửa đổi Điều 11 Luật Lâm nghiệp để phù hợp với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.

3.2. Nội dung bổ sung

Dự án Luật bổ sung 02 nội dung, cụ thể:

- *Luật Trồng trọt*: Bổ sung quy định hướng dẫn cấp mã số vùng trồng mà chưa có quy định hướng dẫn cấp và quản lý cơ sở đóng gói để làm cơ sở pháp lý quy định văn bản hướng dẫn thực hiện tại Điều 64.

Lý do: Việc cấp mã số vùng trồng (MSVT) và mã số cơ sở đóng gói (CSĐG) xuất khẩu được Việt Nam bắt đầu triển khai từ năm 2008 trên cơ sở căn cứ pháp lý là Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật (IPPC), các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm dịch thực vật ISPM số 4, 8, 10 và 22, quy định của các nước nhập khẩu Mỹ, Úc, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Malaysia...Sau một thời gian triển khai, công tác cấp, quản lý mã số vùng trồng, CSĐG bộc lộ rất nhiều bất cập, cụ thể: Chưa có bộ khung pháp lý (Nghị định, thông tư...) quy định việc cấp, quản lý và sử dụng MSVT, CSĐG; không có quy định quy trách nhiệm trong cấp và quản lý mã số vùng trồng, CSĐG dẫn đến còn nhiều địa phương lơ là trong quản lý, không thực hiện giám sát định kỳ theo quy định của nước nhập khẩu; nhận nhiều cảnh báo vi phạm của nước nhập khẩu liên quan đến các lô hàng xuất khẩu vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm; phát hiện nhiều gian lận trong sử dụng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; không thực hiện được việc truy xuất do chuỗi cung ứng bị đứt gãy; hàng hóa mua qua nhiều khâu trung gian, khó kiểm soát về chất lượng sản phẩm; Điều 64 mới chỉ có quy định hướng dẫn cấp mã số vùng trồng mà chưa có quy định hướng dẫn cấp và quản lý CSĐG.

- *Luật Lâm nghiệp*: Sửa đổi Điều 63 về dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng để bổ sung nội dung này làm cơ sở pháp lý để ban hành văn bản triển khai thực hiện.

Lý do: Luật Lâm nghiệp hiện hành chưa quy định đầy đủ và phù hợp với thực tiễn về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, trong khi đây là lĩnh vực đang phát triển nhanh, có vai trò quan trọng trong: Ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển thị trường các-bon trong nước và hội nhập quốc tế; thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam (NDCs). Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định 06/2022/NĐ-CP), trong đó quy định cụ thể về quản lý tín chỉ các-bon, vận hành thị trường các-bon, cơ chế trao đổi tín chỉ trong nước và quốc tế, bao gồm tín chỉ các-bon rừng. Tuy nhiên, Luật Lâm nghiệp chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để điều chỉnh các hoạt động liên quan đến tín chỉ các-bon rừng, như: xác nhận kết quả giảm phát thải, giao dịch tín chỉ, chi trả dịch vụ, phân chia lợi ích; thiếu quy định cụ thể về quản lý, giám sát và vận hành thị trường các-bon từ rừng, khiến các địa phương, chủ rừng và doanh nghiệp gặp khó khăn trong triển khai các dự án REDD+, FCPF, hoặc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải ra thị trường quốc tế. Vì vậy, dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp để cụ thể hóa dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật liên quan tạo nền tảng pháp lý đầy đủ cho phát triển kinh tế các-bon rừng tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

3.3. Nội dung lược bỏ

Dự án Luật lược bỏ các quy định tại 03 nhóm nội dung, cụ thể:

- Nhóm nội dung về vướng mắc, khó khăn:

+ *Luật Trồng trọt:* Bãi bỏ khoản 10 Điều 9, Điều 57 quy định về tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước.

Lý do: Trong thời gian qua, việc thực thi quy định về bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước tại Điều 57 gặp khó khăn, vướng mắc, đặt ra nhiều thách thức đối với người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý địa phương trong quá trình triển khai: Quy định chưa phù hợp với thực tiễn và đặc điểm sử dụng đất chuyên trồng lúa: Việc bóc tách và sử dụng tầng đất mặt có ý nghĩa bảo vệ tài nguyên đất, nhưng trong thực tiễn triển khai tại nhiều địa phương, đặc biệt là vùng trũng, ngập nước, đất đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quy định này rất khó áp dụng đồng loạt; triển khai chưa đi kèm với các chính sách hỗ trợ kỹ thuật cụ thể (như hướng dẫn về thiết bị, công nghệ bóc tách, lưu trữ, sử dụng đất mặt) và nguồn lực tài chính tương ứng (hỗ trợ chi phí cho hộ dân, tổ chức thực hiện), tạo ra nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện. Lượng đất phải bóc tách lớn, kéo theo chi phí hàng trăm triệu đến hàng tỷ đồng rất tốn kém. Các thiết bị được sử dụng bóc tách chưa chuyên biệt, chi phí cao (Thiết bị hiện không được thiết kế chuyên biệt cho bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp, dẫn đến việc dễ làm xáo trộn cấu trúc đất, mất hệ thống vi sinh vật trong đất); việc kiểm soát độ sâu bóc tách thủ công nên không bảo đảm đúng chuẩn; chi phí thuê máy móc cao, đặc biệt đối với hộ cá thể và các vùng hẻo lánh không có

dịch vụ cơ giới nông nghiệp. Sử dụng đất mặt sau bóc tách không hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp: Không có mặt bằng chứa đất mặt; trong đa số trường hợp, không có nơi tiếp nhận sử dụng đất mặt rõ ràng sau bóc tách. Phần lớn khối lượng đất bị đổ bỏ tạm thời tại khu vực ven công trình, không được chuyển đi nơi khác hoặc sử dụng cho mục đích nông nghiệp thực tế. Các phương án sử dụng đất mặt (như cải tạo đất bạc màu, phục hồi đất nương rẫy) chỉ mang tính hình thức trong hồ sơ, còn thực tế rất khó khăn khi triển khai thực hiện phương án. Ngoài ra, quy định chưa phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho đầu tư: Bắt buộc bóc tách tầng đất mặt trình cơ quan có thẩm quyền để ra văn bản chấp thuận làm gia tăng thủ tục và kéo dài quy trình hành chính (lập phương án sử dụng tầng đất mặt; đơn đề nghị thẩm định; tổ chức thẩm định; ban hành văn bản chấp thuận), kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư (tối thiểu 20 ngày), ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và khả năng thu hút đầu tư tại địa phương.

+ *Luật Đa dạng sinh học*: Bãi bỏ Điều 52 về quản lý sinh vật ngoại lai.

Lý do: Luật Đa dạng sinh học 2008 đã quy định một số nội dung cơ bản nhằm quản lý loài ngoại lai xâm hại. Tuy nhiên, nội tại của Luật Đa dạng sinh học còn mâu thuẫn, cụ thể: quy định của Luật Đa dạng sinh học 2008 chưa thống nhất về đối tượng quản lý tại các khoản 7 Điều 7, khoản 1 Điều 50 và Khoản 1 Điều 52. Khoản 7 Điều 7 nghiêm cấm việc “nhập khẩu, phát triển loài ngoại lai xâm hại”; tại khoản 1 Điều 50 quy định “loài ngoại lai xâm hại bao gồm loài ngoại lai xâm hại đã biết và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại”. Như vậy, theo quy định của Luật Đa dạng sinh học thì loài ngoại lai xâm hại đã biết và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại đều là đối tượng nghiêm cấm nhập khẩu và phát triển. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 52 của Luật Đa dạng sinh học, loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại có thể được nuôi trồng, phát triển theo quy định tại các khoản 1 cụ thể như sau: “Việc nuôi trồng loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại chỉ được tiến hành sau khi có kết quả khảo nghiệm loài ngoại lai đó không có nguy cơ xâm hại đối với đa dạng sinh học và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép”. Như vậy, quy định tại Điều 52 mâu thuẫn với quy định tại khoản 7 Điều 7 và khoản 1 Điều 50. Mặt khác, việc khảo nghiệm các loài có nguy cơ xâm hại là hoạt động không khả thi cũng như không phù hợp với thông lệ quốc tế trong ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại. Từ khi Luật được ban hành và có hiệu lực thực thi, chưa có hoạt động khảo nghiệm loài ngoại lai xâm hại diễn ra.

- Nhóm nội dung về sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Bãi bỏ các quy định thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện tại 14 Luật¹³.

¹³ Bãi bỏ các quy định thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện tại 14 Luật, gồm:

+ Luật Bảo vệ môi trường: Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 19; điểm d khoản 1 Điều 160 và khoản 2 Điều 168.
+ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điểm d khoản 1 Điều 8; Điều 9; khoản 3 Điều 18
+ Luật Chăn nuôi: Khoản 2 Điều 80

- Nhóm nội dung bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh: Bãi bỏ các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, cụ thể:

+ *Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật*: Bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23; bãi bỏ điều kiện đối với tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37; bãi bỏ điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 61; Đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 63.

+ *Luật Chăn nuôi*: Bãi bỏ điều kiện về biện pháp bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi, môi trường xung quanh tại điểm c khoản 4 Điều 23; bãi bỏ điều kiện về nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi tại điểm b khoản 1 Điều 54; bãi bỏ điều kiện về biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường quy định tại điểm k khoản 1 Điều 38; bãi bỏ điều kiện về nhãn hoặc tài liệu tại Điều 46; bãi bỏ điều kiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhãn hoặc tài liệu kèm theo thức ăn chăn nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Luật Chăn nuôi tại khoản 1, khoản 5 Điều 32; bãi bỏ điều kiện vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi; Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi; Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi; Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại; Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn

+ Luật Đề điều: Điểm b khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 27; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 35; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đề điều; khoản 2 Điều 43

+ Luật Đo đạc và bản đồ: Điểm b khoản 4 Điều 19; khoản 1 Điều 25; điểm c khoản 1 Điều 26; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 58

+ Luật Khí tượng thủy văn: Khoản 2 Điều 53

+ Luật Lâm nghiệp: Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 34; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 58; khoản 2 Điều 100; khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 105

+ Luật Phòng, Chống thiên tai: Khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 2 Điều 33; khoản 1 Điều 43

+ Luật Tài nguyên nước: Khoản 5 Điều 32; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 76; điểm b, c khoản 3 Điều 76

+ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: Khoản 2 Điều 74.

+ Luật Thú y: Điểm c khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 9; điểm d khoản 3 Điều 9; điểm c khoản 2 Điều 19; tên khoản 3 Điều 19; điểm d khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 3 Điều 25; tên khoản 4 Điều 25; điểm b khoản 4 Điều 25; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 4 Điều 27; điểm d, e khoản 5 Điều 27; điểm d, e, g khoản 4 Điều 33; Khoản 5 Điều 33; khoản 4 Điều 35; điểm d, e khoản 5 Điều 35; điểm d khoản 7 Điều 35; khoản 2 Điều 76.

+ Luật Thủy lợi: Điểm b khoản 1 Điều 21; điểm b khoản 3 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 41; khoản 3 Điều 48; khoản 2 Điều 57; điểm d khoản 3 Điều 57

+ Luật Thủy sản: Điểm a, b khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 44; điểm c khoản 3 Điều 79; khoản 2 Điều 102

+ Luật Trồng trọt: Khoản 2 Điều 83

phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi tại điểm a khoản 3 Điều 37; bãi bỏ điều kiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, bảo đảm độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường, kho bảo quản sản phẩm xử lý chất thải, chăn nuôi cần chế độ bảo quản riêng, kiểm soát bao bì, kiểm soát tái chế, kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; kiểm soát người ra, vào và khách thăm quan cơ sở sản xuất tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 63; bãi bỏ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi, có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại điểm b, c khoản 1 Điều 55; bãi bỏ điều kiện Cơ sở nuôi đàn giống cấp bố mẹ đối với lợn, gia cầm, đàn nhân giống, sản xuất con giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học tại điểm d khoản 2 Điều 22; bãi bỏ điều kiện kê khai đực giống với Ủy ban nhân dân cấp xã tại điểm a khoản 3 Điều 23; sửa đổi khoản 1 Điều 27 đối với điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật Chăn nuôi.

+ Luật Khí tượng thủy văn: Cắt giảm điều kiện về nhân lực quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25.

+ Luật Tài nguyên nước: Bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất tại điểm b khoản 2 Điều 57; bãi bỏ điều kiện về điều kiện đầu tư kinh doanh cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước tại điểm c, d khoản 1 Điều 57; bãi bỏ về điều kiện đầu tư kinh doanh về đầu tư, xây dựng đập, hồ chứa trên sông, suối tại khoản 3 Điều 57.

+ Luật Thú y: Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh tại điểm b khoản 2 Điều 73 (Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật: 01 điều kiện); khoản 1, khoản 6 Điều 90 (Điều kiện sản xuất thuốc thú y: 02 điều kiện; Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin: 02 điều kiện); khoản 1 Điều 92 (Điều kiện buôn bán thuốc thú y: 01 điều kiện; Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y: 01 điều kiện); điểm b khoản 1 Điều 108 (Điều kiện hành nghề thú y (đối với cá nhân hành nghề thú y): 01 điều kiện; Điều kiện hành nghề thú y (đối với tổ chức hành nghề thú y: 01 điều kiện).

+ Luật Thủy sản: Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 63.

+ Luật Trồng trọt: Bãi bỏ điều kiện buôn bán giống cây trồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22; điều kiện công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40; điều kiện sản xuất phân bón quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 41; điều kiện buôn bán phân bón quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42; Bãi bỏ cụm từ “cơ sở hạ tầng” tại điểm b khoản 1 Điều 22.

+ Luật Bảo vệ môi trường: Bãi bỏ điểm c, đ, e, g khoản 3 Điều 84, khoản

5, khoản 7 Điều 85 về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 83 về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh xử lý chất thải nguy hại.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa tại dự án Luật được quy định theo hướng: Đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC) từ thành phần hồ sơ; rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC; gộp, liên thông các TTHC như cấp phép nuôi trồng thủy sản và giao khu vực biển; bãi bỏ việc lập thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hướng lồng ghép việc đánh giá tác động môi trường trong quá trình cấp phép nhận chìm ở biển. Theo đó, dự án Luật thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính cụ thể như sau:

- *Luật Trồng trọt*: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về điều kiện nhập khẩu phân bón tại điểm h khoản 2 Điều 44; sửa đổi về hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt tại khoản 3 Điều 9; sửa đổi về quy định tên giống cây trồng tại khoản 1 Điều 14; bãi bỏ hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt tại khoản 10 Điều 9, Điều 57; sửa đổi thời hạn quyết định công nhận lưu hành giống tại khoản 2 Điều 15; quy định chuyển tiếp đối với quyết định về phân bón tại khoản 3 Điều 85.

- *Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật*: Bãi bỏ thủ tục hành chính cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; cắt giảm thành phần hồ sơ đối với thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; cắt giảm, đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật (thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật) tại khoản 2 Điều 56, khoản 3 Điều 57; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 3 Điều 52; điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 65; Điều 37; điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 4 Điều 67; khoản 2 Điều 65.

- *Luật Thủy sản*: Gộp thủ tục giao khu vực biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển thành 01 thủ tục do 01 cơ quan thực hiện tại Điều 39, Điều 44 Luật Thủy sản; giảm thời gian thực hiện công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản tại Điều 38; Giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam tại Điều 55; rút ngắn thời gian cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá tại khoản 3 Điều 27; rút ngắn thời gian cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện tại điểm c khoản 3 Điều 27; giảm thời gian công bố mở cảng cá loại I tại điểm a khoản 3 Điều 79; Bãi bỏ một số thành phần hồ sơ và đổi

tượng thực hiện cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản tại điểm a khoản 3 Điều 25; quy định cụ thể về xóa đăng ký tàu cá tại Điều 72.

- *Luật Chăn nuôi*: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính “Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phối, giống gia súc” (sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 20), Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung, Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 34), Công nhận dòng, giống vật nuôi mới (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 30); Xuất khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Chăn nuôi).

- *Luật Thú y*: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại điểm d khoản 2 Điều 109 (Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y); khoản 1 Điều 110 (Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y); điểm d khoản 2; điểm a khoản 5 Điều 109 (Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y); khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 110 (Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y); khoản 3 Điều 80 (Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định); điểm b khoản 4 Điều 78 (Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định); khoản 1 Điều 110 (Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y); Điều 82 (Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử

dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y); Điều 81 (Gia hạn giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; khoản 2 Điều 86 (Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y); Điều 96 (Cấp, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)); điểm b khoản 2 Điều 97 (Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; khoản 1, khoản 2 Điều 78 (Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (lĩnh vực thú y); khoản 2 Điều 85 (Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; khoản 2 Điều 46 (Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước; khoản 2 Điều 49 (Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; khoản 2 Điều 42 (Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu; Điều 56 (Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.

- *Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo*: Bỏ thủ tục hành chính về thẩm định ĐTM khi cấp phép nhận chìm ở biển, thực hiện lồng ghép 2 thủ tục hành chính về thẩm định ĐTM và cấp giấy phép nhận chìm ở biển thành một thủ tục hành chính do có nhiều nội dung trùng lặp tại Điều 60; bỏ thủ tục lấy ý kiến tại khoản 3 Điều 13; bỏ thủ tục lấy ý kiến các Bộ ngành trong việc thực hiện cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại khoản 2, khoản 3 Điều 19; bỏ trường hợp phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại điểm g khoản 2 Điều 20.

- *Luật Đa dạng sinh học*: Bãi bỏ thủ tục hành chính về đăng ký tiếp cận nguồn gen quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 59; bãi bỏ thủ tục hành chính xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích quy định tại khoản 2 Điều 58.

- *Luật Lâm nghiệp*: Bãi bỏ đối tượng “hộ gia đình” là đối tượng được giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất tại Điều 16.

- *Luật Bảo vệ môi trường*: Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 28; khoản 6, khoản 9 Điều 34 về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; sửa đổi, bổ sung Điều 41, Điều 43 về cấp giấy phép môi trường.

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

a) Nội dung phân quyền theo Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Thực hiện việc phân quyền đã được Chính phủ “tạm thời” xử lý tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP đã xử lý 137 thẩm quyền phân quyền, phân cấp giữa các cơ quan trung ương và từ cơ quan trung ương cho địa phương. Theo đó, dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 112 Điều tại 14 Luật để quy định việc phân quyền, phân cấp đã được phân quyền, phân cấp “tạm thời” tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP theo hướng thay đổi cụm từ “Chính phủ”, “Thủ tướng Chính phủ”, “Bộ trưởng”, “Bộ”; hoặc bãi bỏ cụm từ “Chính phủ”, “Thủ tướng Chính phủ”, “Bộ trưởng”, “Bộ”, cụm từ khác hoặc sửa đổi, bổ sung đối với trường hợp không thể thực hiện thay thế, bãi bỏ cụm từ đối với các điều khoản điểm tại các luật¹⁴. Trong đó, phân quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật là 54/112 Điều.

Nghị định số 131/2025/NĐ-CP đã xử lý 49 thẩm quyền, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về cấp xã; 04 thẩm quyền, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển lên cấp tỉnh. Theo đó, dự thảo Luật đã thực hiện sửa đổi, bổ sung 67 Điều tại 14 Luật¹⁵ để quy định thẩm quyền, nhiệm vụ đã được chuyển đổi “tạm thời” tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP theo hướng thay đổi cụm từ “cấp huyện” bằng “cấp xã” hoặc “cấp tỉnh”; hoặc bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” hoặc sửa đổi, bổ sung đối với trường hợp không thể thực hiện thay thế, bãi bỏ cụm từ đối với các điều khoản điểm tại

¹⁴ Các điều luật cần xử lý tại Nghị định 136/2025/NĐ-CP:

- Luật Bảo vệ môi trường: Khoản 3 Điều 15; điểm c khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 35; Điểm e khoản 2 Điều 58; khoản 7 Điều 61; khoản 5 Điều 79; Điểm b khoản 3 Điều 90; điểm b khoản 1 Điều 109.
- Luật Trồng trọt: Khoản 2 Điều 12; khoản 8 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 3 Điều 17; khoản 4 Điều 21; khoản 7 Điều 24; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 5 Điều 36; khoản 4 Điều 37; khoản 3 Điều 38; khoản 2 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 3 Điều 42; khoản 3 Điều 44; khoản 4 Điều 45; khoản 4 Điều 46; khoản 2 Điều 49.
- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điểm b khoản 2 Điều 37; khoản 5 Điều 67.
- Luật Thủy sản: khoản 10 Điều 10; điểm a khoản 3 Điều 12; điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 13; điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 16; điểm a khoản 2 Điều 17; khoản 5 Điều 21; điểm a khoản 2 Điều 23; khoản 5 Điều 25; khoản 5 Điều 34; khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 27; khoản 4 Điều 28; khoản 6 Điều 35; khoản 2, khoản 5 Điều 36; khoản 4, 5 Điều 38; khoản 2, 3 Điều 39; khoản 3 Điều 40; khoản 3 Điều 40; khoản 4 Điều 45; điểm d khoản 2 Điều 50; khoản 3 Điều 51; khoản 2 Điều 55; khoản 7 Điều 56; điểm k khoản 2 Điều 57; khoản 4 Điều 64; khoản 2, 3, 4 Điều 66; khoản 1 Điều 69; điểm d khoản 1 Điều 78; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 79; điểm c khoản 3, khoản 7 Điều 98; khoản 3 Điều 99.
- Luật Chăn nuôi: Khoản 3 Điều 19; khoản 2 Điều 52; khoản 2 Điều 68; khoản 2, khoản 4 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 2 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 34; Điều 35; quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; khoản 3 Điều 41.
- Luật Thú y: Điều 96; Điều 98; khoản 6 Điều 100; điểm b khoản 1 Điều 109; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 110.
- Luật Lâm nghiệp: Điểm a khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 31; Khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 49; điểm c, điểm d khoản 1 Điều 72; và điểm d khoản 1 Điều 102.
- Luật Thủy lợi: Điểm a khoản 1 Điều 21
- Luật Đê điều: Khoản 3, 4 Điều 26
- Luật Tài nguyên nước: Khoản 6 Điều 26, khoản 6 Điều 63
- Luật Đa dạng sinh học: khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 32; Khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 5 Điều 42; khoản 4 Điều 47; khoản 6 Điều 59; khoản 3 Điều 63; khoản 2 Điều 67.
- Luật Khí tượng thủy văn: Điểm b khoản 1 Điều 14; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 42; khoản 4, 5, 6, 7 Điều 44.
- Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo: Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 24; điểm d khoản 5 Điều 41; khoản 1 Điều 36; khoản 4 Điều 49; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 3 Điều 65.
- Luật Đo đạc và Bản đồ: Khoản 4 Điều 11; khoản 3, 5 Điều 36; điểm h khoản 2 Điều 57.

¹⁵ 14 luật gồm: Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y, Luật Trồng trọt, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng, Chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo, Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Tài nguyên nước.

các luật.

b) Nội dung phân quyền có thay đổi, điều chỉnh so với Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP

- Điều chỉnh lại quy định về phân quyền, phân cấp liên quan đến sản xuất thức ăn chăn nuôi để xuất khẩu:

Theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã liên tục theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và rà soát lại các quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. Qua quá trình thực hiện, về cơ bản, các quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã đảm bảo tính khả thi, hợp lý, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, phát huy hiệu quả quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, có một số quy định còn có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cần điều chỉnh lại để đảm bảo tính khả thi, thuận lợi trong quá trình áp dụng, cụ thể: Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện, trong đó có thẩm quyền “*Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo đề nghị của bên nhập khẩu)*”.

Trong thực tế, có thể các nước nhập khẩu thức ăn chăn nuôi yêu cầu các cơ sở sản xuất thức ăn để xuất khẩu phải được kiểm soát các điều kiện sản xuất bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương. Vì vậy, để phù hợp với thực tiễn, dự thảo Luật quy định theo hướng: thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi vẫn phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện nhưng có điều chỉnh so với Nghị định 136/2025/NĐ-CP, quy định thẩm quyền cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đối với trường hợp sản xuất thức ăn để xuất khẩu nếu nước nhập khẩu yêu cầu.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân quyền so với Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP: Bổ sung nội dung phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy hoạch ngành cấp vùng (quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh) tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định về thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch (Điều 19) dự thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi) đang được Bộ Tài chính phủ trì xây dựng; Phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt thay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Nghị định số

136/2025/NĐ-CP; Phân quyền thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy trình vận hành liên hồ chứa (trong một số trường hợp).

3.6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: Hiện chưa phát sinh vấn đề ý kiến khác nhau.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (nếu có)

Tiếp thu bổ sung việc sửa đổi, bổ sung 01 nội dung về “điểm nghẽn” theo báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp¹⁶; tiếp thu bổ sung việc sửa đổi 03 nội dung để đảm bảo phù hợp với Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Luật quy hoạch và các quy định khác có liên quan theo mục II.2 của Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp¹⁷, cụ thể như sau:

- Bổ sung 01 nội dung về “điểm nghẽn”: Sửa khoản 1 Điều 151 Luật Bảo vệ môi trường theo hướng quy định Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thay vì là tổ chức tài chính nhà nước để có sự đồng bộ giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

Lý do: Khoản 1 Điều 151 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước”. Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công quy định: “cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách” từ nguồn đầu tư công. Khoản 19 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”; khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện....”. Sự không đồng bộ về quy định địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là “tổ chức tài chính nhà nước” tại Luật Bảo vệ môi trường và quy định “quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách” tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước, dẫn đến việc hiện

¹⁶ Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp: Về giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường: Cần rà soát với Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật (trong đó có lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Mục II.2.1, trang 8-9 Báo cáo số 76-BC/ĐU và các phụ lục kèm theo) để xử lý dứt điểm tại dự thảo Luật những tồn tại, bất cập do quy định pháp luật mà cần phải xử lý ngay trong năm 2025 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

¹⁷ Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để hoàn thiện dự thảo Luật, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Đầu tư, Luật Giá, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật Phòng thủ dân sự; Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

nay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh không thể được cấp vốn từ nguồn đầu tư công (nguồn cấp vốn duy nhất).

- Bổ sung 03 nội dung để đảm bảo phù hợp với quy định của các luật vừa mới ban hành hoặc dự án Luật đang sửa đổi, bổ sung như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, cụ thể:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường để phù hợp với quy định của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất khoáng sản;

+ Bãi bỏ khoản 3 Điều 25 Luật Trồng trọt; bãi bỏ khoản 4 Điều 102 Luật Bảo vệ môi trường để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

+ Sửa đổi Điều 11 Luật Lâm nghiệp để phù hợp với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; VỀ BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về tính tương thích của dự thảo Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Quy định tại dự án Luật đã đảm bảo phù hợp, tương thích với Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; đảm bảo thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và tính tương thích với Điều ước quốc tế. Chi tiết đã được thể hiện tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật.

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; đảm bảo bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Quy định tại dự án Luật không có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; các ý kiến góp ý liên quan đến quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao đã được tiếp thu đầy đủ tại dự án Luật.

Dự án Luật không có quy định ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật không có nội dung trực tiếp đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong từng lĩnh vực sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đồng thời sẽ được cập nhật, bổ sung khi sửa đổi, bổ sung từng luật chuyên ngành trong thời gian tới.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành Luật

Kinh phí tổ chức thi hành luật từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; nguồn tài trợ từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành Luật

- Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật gồm các nội dung:

+ Ban hành các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết để có hiệu lực thi hành đồng thời với Luật; các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật

+ Tuyên truyền, phổ biến Luật: Xây dựng nội dung thông tin để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

+ Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương là nguồn nhân lực chủ yếu tổ chức thi hành luật. Sau khi Luật được ban hành và có hiệu lực, không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Luật. Tuy nhiên, việc không tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện dẫn đến khối lượng công việc mà chính quyền cấp tỉnh và cấp xã phải thực hiện sẽ rất lớn; nhiều việc mới, phức tạp, đòi hỏi phải được tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể. Điều này có thể làm phát sinh kinh phí để tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thực hiện.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

3. Thời gian ban hành dự án Luật

Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV (theo trình tự, thủ tục rút gọn), có hiệu lực ngày 01/01/2026.

Hồ sơ dự án Luật kèm theo gồm: (1) Dự thảo Luật; (2) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật của Quốc hội hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân; (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Luật; (7) Các Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương;
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN;
 Các Vụ: TH, QHĐP, TKBT;
- Lưu: VT, NN(2). 172

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
Q. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Trần Đức Thắng

